

CADIVI



TÀI LIỆU HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

Ngày 11 tháng 04 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

Trụ sở. 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.1, Tp. HCM, Việt Nam

Tel. (84.8) 3 829 2971 - 3 829 2972 | Fax. (84.8) 3 8299437

Website. www.cadivi.vn | Email. cadivi@cadivi.vn

**DANH MỤC TÀI LIỆU
HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**

1. Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017; Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên HĐQT, BKS NK 2017-2022
2. Chương trình Đại hội
3. Báo cáo của Tổng giám đốc
4. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị
5. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát
6. Tờ trình V/v thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng năm 2016 đã được kiểm toán
7. Tờ trình V/v phương án phân phối lợi nhuận năm 2016
8. Tờ trình V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty
9. Tờ trình V/v kế hoạch năm 2017
10. Tờ trình V/v ủy quyền cho HĐQT chọn Công ty kiểm toán năm 2017
11. Tờ trình V/v thông qua các giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông
12. Danh sách đề cử, ứng cử bầu thành viên HĐQT, BKS NK 2017-2022
13. Dự thảo Nghị quyết Đại hội

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2017

**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
(Nhiệm kỳ 2017 - 2022)**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại khóa XIII, kỳ họp thứ 8 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam.

Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam như sau:

I. Đối tượng, phạm vi áp dụng

1. Quy định này hướng dẫn trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2017-2022 của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam;
2. Các cổ đông, ứng cử viên tham gia đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên HĐQT, BKS có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung của Quy chế này.

II. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông

III. Quy định về đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

1. Số lượng, nhiệm kỳ thành viên HĐQT

- a) Số lượng thành viên HĐQT : 07 người
- b) Nhiệm kỳ 05 (năm) năm : 2017 - 2022

2. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị

Ứng viên HĐQT cần đáp ứng quy định của pháp luật và Khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty, cụ thể:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13;
- b) Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

c) Các tiêu chuẩn khác theo yêu cầu của pháp luật (nếu có).

3. Quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

a) Đề cử ứng viên HĐQT

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Nguyên tắc đề cử ứng viên như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

b) Ứng cử thành viên HĐQT

Người ứng cử phải là cổ đông nắm giữ ít nhất 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng, thỏa mãn tiêu chuẩn thành viên HĐQT; người ứng cử phải làm đơn tự ứng cử (theo mẫu của Công ty) gửi tới Công ty để báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông.

c) Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử ứng viên. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

IV. Quy định về đề cử, ứng cử thành viên BKS

1. Số lượng, nhiệm kỳ của thành viên BKS

- | | | |
|----------------------------|---|-------------|
| a) Số lượng thành viên BKS | : | 03 người |
| b) Nhiệm kỳ 05 (năm) năm | : | 2017 - 2022 |

2. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia BKS

Ứng viên BKS cần đáp ứng quy định của pháp luật và Điều 32 Điều lệ Công ty, cụ thể:

- a) Không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của công ty.
- b) Không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác của Công ty.

c) Các tiêu chuẩn khác theo yêu cầu của pháp luật (nếu có).

3. Quyền đề cử, ứng cử thành viên BKS

d) Đề cử ứng viên BKS

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Nguyên tắc đề cử cụ thể như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

e) Ứng cử thành viên BKS

Người ứng cử phải là cổ đông nắm giữ ít nhất 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng, thỏa mãn tiêu chuẩn thành viên BKS; người ứng cử phải làm đơn tự ứng cử (theo mẫu đính kèm Quy chế này) gửi tới Công ty để báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông.

f) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

V. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu thành viên HĐQT, BKS

1. Hồ sơ đề cử thành viên HĐQT và BKS

Cổ đông, nhóm cổ đông có đủ điều kiện nêu trên có yêu cầu ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS Công ty gửi Hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện về trụ sở Công ty theo thời gian và địa chỉ nêu tại Khoản 2 Điều này. Hồ sơ ứng cử, đề cử được lập theo mẫu biểu được đăng tải trên website của Công ty theo địa chỉ: www.cadivi.vn hoặc cadivi-vn.com, bao gồm:

- Đơn xin đề cử, ứng cử vào HĐQT, BKS (theo mẫu)
- Sơ yếu lý lịch ứng viên (theo mẫu)
- Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau: CMND/CCCD/Hộ chiếu
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có)
- Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/ nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử theo Quy chế này (theo mẫu)

Người đề cử/ứng cử vào HĐQT, BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử, ứng cử

Đề tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội và công bố thông tin theo quy định của pháp luật, vui lòng gửi hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS về địa chỉ sau trước **15 giờ 00 ngày 04/4/2017**

Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.38212102-08.38299443 (Ext:152) - Fax: (84.8) 3829 9437

Liên hệ: Ban tổ chức Đại hội

VI. Danh sách ứng cử viên

- Dựa vào Hồ sơ đề cử, ứng cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu HĐQT, BKS.
- Danh sách ứng cử viên HĐQT, BKS được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, và phải được ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

VII. Thủ tục và phương thức bầu cử thành viên HĐQT, BKS:

1. Công việc tổ chức bầu cử thành viên HĐQT, BKS được Đại hội đồng cổ đông Công ty giao cho Ban Kiểm phiếu thực hiện. Ban Kiểm phiếu phải được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.
2. Công việc tổ chức bầu cử cụ thể bao gồm:
 - Kiểm tra và công bố danh sách các ứng cử viên thành viên HĐQT, BKS;
 - Tiến hành kiểm phiếu;
 - Lập Biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội đồng cổ đông;
 - Cùng Chủ tọa phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo về ứng cử viên cũng như về kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội đồng cổ đông quyết định.
3. Nguyên tắc bầu cử thành viên HĐQT, BKS:
 - Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, đảm bảo dân chủ công bằng;
 - Việc bầu cử thành viên HĐQT, BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS. Đại biểu có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
 - Trường hợp phát sinh ứng viên mới trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
4. **Phiếu bầu cử**
 - Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là phiếu có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty. Phiếu màu vàng là phiếu bầu thành viên HĐQT. Phiếu màu hồng là phiếu bầu thành viên BKS.
 - Mỗi đại biểu sẽ được phát Phiếu bầu thành viên HĐQT và Phiếu bầu BKS. Khi được phát phiếu bầu cử, Đại biểu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu để được xử lý.

5. Cách ghi Phiếu bầu cử

Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- + Mỗi phiếu bầu được bầu số ứng viên tối đa bằng số người cần bầu. Cụ thể, mỗi phiếu bầu thành viên HĐQT được bầu số thành viên HĐQT tối đa 07 người; Mỗi phiếu bầu thành viên BKS được bầu số thành viên BKS tối đa 03 người.
- + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của ứng viên tương ứng.
- + Nếu bầu dồn phiếu đều cho nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào các ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng.
- + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý:

Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

6. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử

- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, có dấu treo của công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu, phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự, và không thuộc trường hợp bị coi là không hợp lệ như quy định dưới đây..
- Trong trường hợp có sự sai sót, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
 - + Phiếu bầu ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu
 - + Phiếu bầu ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì
 - + Phiếu bầu gạch tên các ứng cử viên
 - + Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu.
 - + Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng người cần bầu.
 - + Phiếu bầu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu.
 - + Phiếu bầu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu.
 - + Phiếu bầu không có chữ ký của đại biểu tham dự.
 - + Phiếu bị rách, nát, bị nhòe.

7. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu

- Đại biểu bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu giám sát. Phiếu bầu cử phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.
- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được Ban kiểm phiếu tiến hành dưới sự giám sát của người giám sát kiểm phiếu.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của đại biểu (nếu có).

- Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu phải được niêm phong và giao lại cho Chủ toạ phiên họp. Niêm phong của các phiếu bầu chỉ được mở ra khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

8. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên

- Người trúng cử thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu hợp lệ được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu hợp lệ cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu hợp lệ được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT, BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu hợp lệ ngang nhau.
- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên HĐQT, BKS thì Đại hội sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

VIII. Hiệu lực thi hành

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam kết thúc.

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử, đề cử thành viên để bầu thành viên HĐQT, BKS của Công ty nhiệm kỳ 2017 – 2022 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN HOA CƯỜNG





**CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2017**

<i>Thời gian</i>	<i>Nội dung</i>
7:30	CHUẨN BỊ ĐẠI HỘI
	Đón khách và đăng ký cổ đông
8:30	KHAI MẠC ĐẠI HỘI
	Khai mạc ĐH, giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự
	Báo cáo kiểm tra tính hợp lệ của Đại hội
	Giới thiệu Chủ tọa đại hội
	Giới thiệu Thư ký đại hội
	Giới thiệu Ban kiểm phiếu
9:00	NỘI DUNG ĐẠI HỘI
	Thông qua Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017; Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử TV HĐQT, BKS NK 2017-2022
	Thông qua chương trình Đại hội
	Báo cáo của Tổng giám đốc
	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị
	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát
	Tờ trình V/v thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng năm 2016 đã được kiểm toán
	Tờ trình V/v phương án phân phối lợi nhuận năm 2016
	Tờ trình V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty
	Tờ trình V/v kế hoạch năm 2017
	Tờ trình V/v ủy quyền cho HĐQT chọn Công ty kiểm toán năm 2017
	Tờ trình V/v thông qua các giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông
	Thảo luận, Biểu quyết
	Thông qua danh sách đề cử, ứng cử bầu thành viên HĐQT, BKS NK 2017-2022
	Hướng dẫn bầu thành viên HĐQT, BKS NK 2017-2022
	Tiến hành bầu thành viên HĐQT, BKS NK 2017-2022
	Giải lao
	Thông báo kết quả biểu quyết, bầu cử
	Ra mắt HĐQT, BKS NK 2017-2022
	Thông qua Biên bản ĐH
	Thông qua Nghị quyết ĐH
12:00	BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

I. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

1. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

1.1. Thuận lợi:

- Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI) có thương hiệu nổi tiếng, sản phẩm được khách hàng tin dùng. Có hệ thống đại lý phân phối rộng khắp cả nước;
- Thâm nhập được nhiều vào các công trình dự án đặc biệt các công trình của điện lực;
- Đội ngũ cán bộ có kỹ năng, chuyên môn tốt, có kinh nghiệm thực tiễn, nhạy bén tiếp thu những thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến;
- Đội ngũ công nhân lành nghề, tinh thần đoàn kết ngày càng cao; đời sống người lao động được chăm lo chu đáo, tạo được sự yên tâm cho người lao động;
- Thị trường xuất khẩu đang được duy trì tương đối ổn định.

1.2. Khó khăn:

- Nền kinh tế Việt Nam đã hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, ngày càng trở nên dễ bị ảnh hưởng khi kinh tế thế giới có biến động;
- Tình hình chung của thị trường trong và ngoài nước đã làm giá cả vật tư, nguyên liệu chủ yếu cho sản xuất biến động liên tục, tăng giảm thất thường; tỉ giá USD tăng;
- Các đối thủ ngày càng lớn mạnh, một số đối thủ mở nhà máy ở Miền Nam luôn đeo bám, cạnh tranh ngày càng gay gắt với CADIVI;
- CADIVI có nhà máy sản xuất ở nhiều nơi không tập trung, gây khó khăn cho công tác quản lý, điều hành và ảnh hưởng đến chi phí quản lý, chi phí vận chuyển tăng cao;
- Nhà máy CADIVI Sài Gòn đang trong quá trình di dời ra Tân Phú Trung; Nhà máy CADIVI Miền Đông đang trong tình trạng chuẩn bị di dời theo chủ trương chuyển đổi công năng KCN Biên Hòa 1 của tỉnh Đồng Nai (Giai đoạn 1: 2016 - 2020), gây khó khăn trong công tác đầu tư phát triển sản xuất tại các cơ sở của Nhà máy này.

2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

Đơn vị tính : Tỷ đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	So sánh	
					Thực hiện so với kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016 so với thực hiện năm 2015
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/3)	(7=5/4)
1	Doanh thu hợp nhất	6.000	5.668	5.631	94%	99%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	250	219	304	122%	139%
3	Cổ tức (%)	30	30	35(*)	117%	117%

(*) Phương án phân phối lợi nhuận năm 2016

3. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

Trong năm 2016, mặc dù số lượng nguyên vật liệu trong năm tăng 17% nhưng do giá nguyên vật liệu chính (đồng, nhôm) giảm nên giá bán sản phẩm bình quân giảm 15%, dẫn đến doanh thu hợp nhất chỉ đạt 5.631 tỷ đồng (giảm 6% so với kế hoạch năm 2016). Tuy nhiên, nhờ có các biện pháp tổ chức sản xuất, kiểm soát chi phí tốt nên lợi nhuận trước thuế tăng 39% so với năm 2015 và tăng 22% so với kế hoạch năm 2016.

Thị trường nền được duy trì, giữ vững, trong đó doanh thu chủ yếu tập trung ở đối tượng khách hàng đại lý, chiếm tỷ lệ khoảng 70%.

Với những thành tích trên, CADIVI được Hội Doanh nghiệp hàng Việt Nam Chất lượng cao vinh danh 20 năm liên tục đạt danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn; Hội đồng Thương hiệu quốc gia Việt Nam chứng nhận CADIVI là doanh nghiệp 5 lần đạt thương hiệu quốc gia trong giai đoạn 2008 - 2018; Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam, do Forbes Việt Nam bình chọn. Top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam do tạp chí Nhịp cầu đầu tư bình chọn; Chủ tịch UBND TPHCM tặng bằng khen doanh nghiệp TPHCM tiêu biểu năm 2016.

II. MỤC TIÊU - CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2017

1. Các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh năm 2017

- Với các thuận lợi, khó khăn như năm 2016 và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 đã tạo đà cho CADIVI trong năm 2017; ngoài ra trong năm 2017 có những khó khăn:
 - + Thế giới có nhiều biến động về chính trị và kinh tế, sẽ làm ảnh hưởng đến chi phí nguyên vật liệu nhập khẩu;
 - + Các cơ sở nội thành của Nhà máy CADIVI Sài Gòn phải di dời ra KCN Tân Phú Trung sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất kinh doanh.

2. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 2017:

Đơn vị tính : Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	So sánh với năm 2016
1	Doanh thu hợp nhất	5.631	6.200	110%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	304	410	135%
3	Cổ tức (%)	35(*)	35	100%

(*) Phương án phân phối lợi nhuận năm 2016

3. Giải pháp để thực hiện kế hoạch:

Với những yếu tố nêu trên, phát huy các thuận lợi, khắc phục và hạn chế khó khăn, để đạt được chỉ tiêu nêu trên, phải thực hiện đồng bộ các giải pháp:

3.1. Đảm bảo nguồn lực để hoàn thành các mục tiêu SX-KD 2017:

- Hoàn thành Dự án Nhà máy sản xuất dây cáp điện – Giai đoạn 2 tại KCN Tân Phú Trung theo đúng kế hoạch (dự kiến Quý II/2017);
- Hoàn thành dự án nhà máy Dây cáp điện của Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc vào đầu quý 4/2017 đưa vào sản xuất;
- Đầu tư, đưa vào sử dụng lò đồng công suất 20.000t/năm tại Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai: quý 1/2018 đưa vào sản xuất;
- Đầu tư bổ sung, trang bị mới các thiết bị theo công nghệ hiện đại để nâng cao năng lực SX của CADIVI đủ đáp ứng nhu cầu sản xuất ở các công đoạn;

0038
CÔNG
CỔ P
ÁY C
VIỆT
17 - TP

- Tập trung đào tạo nguồn nhân lực, luân chuyển cán bộ và hoàn thiện hệ thống quản lý Công ty.

3.2. Công tác thị trường và bán hàng:

- Tiếp tục giữ vững thị trường nền thông qua kênh đại lý, điều chỉnh quy chế bán hàng, giá bán phù hợp;
- Tiếp tục phát triển mở rộng tìm kiếm thêm các khách hàng khác trong nước và ngoài nước; Duy trì, phát triển thị trường xuất khẩu sang Mỹ, Myanma, Campuchia; phát triển thêm thị trường mới Australia.

3.3. Công tác tổ chức sản xuất, Quản lý kỹ thuật, Chất lượng, Sản phẩm mới:

- Tổ chức điều độ sản xuất hợp lý, kiểm soát định kỳ chi phí trong sản xuất-kinh doanh; nâng cao năng lực sản xuất, năng suất thiết bị, ổn định chất lượng;
- Nghiên cứu các sản phẩm mới: công tắc, ổ cắm âm tường, ổ cắm nổi dài.

III. XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CÔNG TY GIAI ĐOẠN 2017-2021

1. Mục tiêu:

Trên cơ sở tổng kết việc thực hiện chiến lược phát triển Công ty trong những năm qua, đánh giá nguồn lực hiện có, tiềm năng phát triển của Công ty...xây dựng các kế hoạch, chiến lược để phát triển Công ty theo định hướng và tầm nhìn chiến lược đã đặt ra trong 05 năm tới:

- Xây dựng CADIVI đến năm 2022 trở thành một trong những nhà sản xuất dây cáp điện hàng đầu trong khu vực Đông Nam Á.
- Mục tiêu về doanh thu, lợi nhuận:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Năm					
		2017	2018	2019	2020	2021
	Chỉ tiêu					
1	Doanh thu hợp nhất	6.200	7.000	7.800	8.800	10.000
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	410	430	460	500	540

Để thực hiện chiến lược phát triển công ty CADIVI giai đoạn 2017 – 2021, công ty CADIVI đã xem xét, đánh giá năng lực hiện trạng; phân tích SWOT; cũng như phân tích năng lực cạnh tranh các nhà sản xuất cùng ngành nghề trong nước và khu vực để tìm ra đúng chiến lược phù hợp trong giai đoạn 2017 – 2021, nhằm định hướng được hướng phát triển của công ty; thực hiện mục tiêu đã đề ra.

2. Các định hướng chiến lược

2.1. Chiến lược Thị trường, xây dựng thương hiệu:

- Giữ vững, xâm lấn và mở rộng thị trường trong và ngoài nước;
- Xây dựng thương hiệu CADIVI thành thương hiệu quốc tế;
- Tăng tính chuyên nghiệp trong công tác bán hàng, thị trường;
- Tiếp tục giữ vững thị trường nền, phát triển thị trường điện lực;
- Xây dựng đội ngũ marketing, phát triển thị trường xuất khẩu;
- Phát triển thị trường miền Trung, miền Bắc.



2.2. Chiến lược sản phẩm

- Thực hiện đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở phát triển sản phẩm dây cáp điện kỹ thuật cao như dây điện từ cao cấp, dây cáp điện đặc biệt, cáp điện trung, cao thế đến 110kV, dây siêu nhiệt, busway, dây instruments, cáp mạng;
- Phát triển nhóm sản phẩm thiết bị điện để đồng bộ với sản phẩm dây cáp điện;
- Phát triển lĩnh vực thiết kế tư vấn xây dựng điện.

2.3. Chiến lược Kỹ thuật Công nghệ, Chất lượng sản phẩm

- Sử dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.
- Tiếp tục đầu tư bổ sung, đổi mới thiết bị công nghệ theo hướng rút ngắn công nghệ, tăng năng suất, giảm tiêu hao năng lượng, đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất dây dân dụng, dây và cáp ruột nhôm.

2.4. Chiến lược Đầu tư

- Đầu tư thiết bị và công nghệ sản xuất cáp trung thế 110kV, sản xuất dây ô tô, dây siêu nhiệt, dây hợp kim, dây điện từ cao cấp như self- bonding, chịu nhiệt cao;
- Thành lập đơn vị chuyên sản xuất thiết bị điện (khí cụ điện, busway,...).
- Đầu tư cho hoạt động nghiên cứu phát triển.

2.5. Chiến lược Tài chính kế toán

- Xây dựng chiến lược nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các dự án đầu tư của công ty;
- Xây dựng giải pháp kiểm soát, tiết kiệm chi phí.

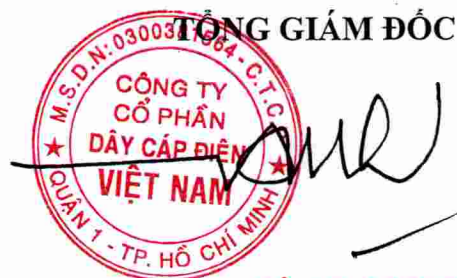
2.6. Chiến lược Tái cơ cấu, Xây dựng đội ngũ

- Tiếp tục tuyển chọn, đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, đội ngũ kỹ sư và chuyên viên kinh tế có năng lực chuyên môn, giỏi ngoại ngữ; đội ngũ quản lý trung, cao cấp có bản lĩnh, nhạy bén, đoàn kết, gắn bó với Công ty.
- Xây dựng chính sách thu hút, bồi dưỡng và giữ nhân tài; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đội ngũ CBCNV trong “Đại gia đình CADIVI”, cùng nhau đoàn kết toàn tâm toàn ý cho sự phát triển của Công ty.
- Xây dựng văn hóa Công ty.
- Tái cơ cấu Công ty theo định hướng:
 - + Chuyên môn hóa công tác sản xuất, công tác bán hàng.
 - + Sáp nhập và thành lập mới một số đơn vị sản xuất mới theo mô hình Công ty mẹ - con (Công ty TNHH 1 thành viên; hoặc công ty cổ phần mà công ty CADIVI nắm cổ phần chi phối tùy theo tình hình phát triển về quy mô, thị trường, tính cạnh tranh).
 - + Tái cấu trúc về Quản trị Công ty (áp dụng Lean production, 6 sigma, TQM...).

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Đại hội Cổ đông năm 2017;
- HĐQT (để báo cáo);
- Ban Điều hành,;
- Lưu HSHC.



LÊ QUANG ĐỊNH

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2016

1. Đánh giá tổng quát về hoạt động

Năm 2016, kinh tế Việt Nam đã có những bước phục hồi tương đối tốt, nhu cầu dây cáp điện trong nước dần tăng lên. Từ cuối năm 2015 với việc Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (GELEX) thoái toàn bộ vốn nhà nước, Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI) đã chuyển qua hoạt động dưới hình thức cổ phần tư nhân hoàn toàn. Bước vào thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2016, với sự cạnh tranh gay gắt của hàng trăm doanh nghiệp sản xuất kinh doanh sản phẩm dây cáp điện và vấn nạn hàng nhái, hàng giả... vẫn ngày càng gia tăng, Công ty đã triển khai Chương trình “Nâng cao năng lực cạnh tranh” nên trong năm công ty có thay đổi một số vị trí nhân sự cấp trung và cấp cao cũng như là cơ cấu tổ chức. Hội đồng quản trị Công ty CADIVI đã thể hiện được sự cố gắng và trách nhiệm của mình đối với công tác lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát mọi hoạt động của Công ty và trách nhiệm đối với cổ đông. Các dự án đầu tư đúng theo chiến lược phát triển 5 năm (2012-2017) đã phát huy tác dụng đặc biệt là Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai đã góp phần gia tăng hiệu quả hoạt động, giúp cho công ty hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2016, trong đó nổi bật là chỉ tiêu lợi nhuận:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2016	TH năm 2016	So với KH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/4)
1	Doanh thu hợp nhất	Tỉ đồng	6.000	5.631	94%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỉ đồng	250	304	122%
3	Cổ tức	%	30	35 ⁽¹⁾	117%

(1) Xem phương án phân phối lợi nhuận năm 2016

Năm 2016 là một năm có nhiều thay đổi với công ty CADIVI:

- Ông Nguyễn Trung Trường, Phó tổng giám đốc Công ty, đã được Hội đồng quản trị chấp thuận Đơn xin thôi việc từ ngày 01/07/2016;
- Kế toán trưởng và Giám đốc sản xuất đến tuổi nghỉ hưu trong quý 4/2016;
- Ông Lê Quang Định, Phó Tổng giám đốc Công ty kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai, được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc công ty CADIVI từ ngày 01/12/2016 (thay cho Ông Nguyễn Lộc xin nghỉ hưu trước tuổi);
- Thành lập Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc;
- Sáp nhập Xí nghiệp Long Biên vào Xí nghiệp thành Mỹ và đổi tên thành Nhà máy CADIVI Miền Đông; sáp nhập Chi nhánh Miền Trung vào Nhà máy CADIVI Miền Trung; đổi tên Xí nghiệp Tân Á thành Nhà máy CADIVI Sài Gòn...

Ban điều hành đã tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, tạo bầu không khí đoàn kết, hăng say làm việc trong công ty. Ban điều hành luôn chỉ đạo các bộ phận chức năng rà soát phát hiện những chi phí bất hợp lý, kịp thời điều chỉnh nhằm giảm thiểu chi phí như chi phí hội họp, khánh tiết, chi phí lương ... nhằm mục

tiêu cuối cùng hạ giá thành sản phẩm... Công ty đã tiếp tục triển khai bộ nhận diện thương hiệu mới góp phần tạo sự phát triển ổn định và bền vững cho công ty. Tổng thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty trong năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 là 6.080.000.000 đồng.

2. Những Nghị quyết và Quyết định HĐQT đã ban hành và chỉ đạo thực hiện

Hội đồng quản trị duy trì các cuộc họp thường kỳ, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc, quy định theo các Quy chế đã ban hành, đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty. Trong năm 2016, Hội đồng quản trị CADIVI đã họp tập trung 08 lần, tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản 10 lần và đã ban hành 18 nghị quyết và 59 quyết định, trong đó:

- + 12 nghị quyết thông qua nội dung phiên họp;
- + 06 nghị quyết về công tác nhân sự, đầu tư, kế hoạch tăng vốn điều lệ;
- + 30 quyết định về công tác tổ chức, nhân sự, lương, thù lao, quy chế, các quỹ của công ty;
- + 15 quyết định về dự án đầu tư, công nợ, xử lý quỹ đất, thoái vốn, vay vốn;
- + 09 quyết định về chọn công ty kiểm toán, kế hoạch sản xuất, kế hoạch đại hội;
- + 05 quyết định về công tác tăng vốn điều lệ, sửa đổi điều lệ công ty con.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NK2017-2022

1. Mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm năm 2017

Nền kinh tế trong năm 2017 sẽ phát triển mạnh trong trung hạn nhờ những động lực phát triển kinh tế, hiệu quả đầu tư trong nước tiếp tục cải thiện, các chính sách hỗ trợ tăng trưởng, ... Bước vào thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017, với cơ chế hoạt động mới, cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, năng động và với nhân sự mới của NK2017-2022, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông những vấn đề sau đây với các chỉ tiêu kế hoạch của năm 2017 như sau:

1) Các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh năm 2017

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2016	Tỉ lệ (%)
1	Doanh thu hợp nhất	Tỉ đồng	6.200	5.631	110
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỉ đồng	410	304	135
3	Cổ tức	%	35	35(*)	100

(*) Xem phương án phân phối lợi nhuận năm 2016

- 2) Tập trung đào tạo nguồn nhân lực và hoàn thiện hệ thống quản lý của công ty;
- 3) Hoàn thành các dự án đã được phê duyệt theo đúng tiến độ;
- 4) Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới đồng thời bổ sung thêm một số chủng loại khí cụ điện để cung cấp đồng bộ với sản phẩm dây cáp điện cho khách hàng. Đầu tư mua sắm bổ sung một số thiết bị lẻ để nâng cao năng lực sản xuất hiện có, loại bỏ các nút thắt cổ chai trong quá trình sản xuất của Công ty;
- 5) Tiếp tục thực hiện các công việc của quá trình đưa thương hiệu CADIVI đến mọi người dân, đặc biệt là khu vực miền Trung, miền Bắc và Tây Nguyên; đưa sản phẩm CADIVI vào các công trình của EVN, vào dự án xây dựng, xây lắp công nghiệp, dầu khí, quốc phòng...

2. Chiến lược phát triển Công ty NK 2017-2022

- 1) Tầm nhìn: Từng bước vững chắc đa dạng hóa sản phẩm, phát triển Công ty đến năm 2022 trở thành một trong những nhà sản xuất dây cáp điện hàng đầu Đông Nam Á.
- 2) Mục tiêu của Công ty: Mục tiêu xuyên suốt của Công ty là “Tối đa hóa lợi nhuận của cổ đông, đảm bảo lợi ích của CBCNV Công ty; đồng thời thỏa mãn ngày càng cao nhu cầu của khách hàng và xã hội, cả về phương diện vật chất và phi vật chất”
- 3) Định hướng sản xuất kinh doanh của Công ty:
 - Cân đối hài hòa giữa lợi nhuận và thị phần, duy trì tăng trưởng vững chắc cả về lợi nhuận và thị phần;
 - Lấy sản xuất, kinh doanh dây cáp điện, khí cụ điện làm trọng tâm;
 - Quy hoạch lại các nhà máy để tối ưu hóa quy trình sản xuất sản phẩm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty;
 - Quán triệt chủ trương “Giữ vững sân nhà để vươn ra sân người”, chiếm lĩnh thị trường trong nước để tạo đà vươn ra thị trường quốc tế.
- 4) Các chỉ tiêu về SX-KD 5 năm 2017-2021

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Năm	2017	2018	2019	2020	2021
	Chỉ tiêu					
1	Doanh thu hợp nhất	6.200	7.000	7.800	8.800	10.000
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	410	430	460	500	540

Hội đồng quản trị xin báo cáo các nội dung trên để Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết nghị.

III. LỜI CẢM ƠN CỦA HĐQT NK 2012-2017

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 cũng đồng thời là Đại hội hết NK2012-2017 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty. Ngoài các nội dung của đại hội thường niên, Đại hội lần này sẽ bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát NK2017-2022. Thay mặt cho các thành viên Hội đồng quản trị NK2012-2017, tôi xin gửi lời chân thành cảm ơn đến tất cả Quý khách hàng, đối tác đã tin tưởng, hợp tác cùng Công ty; xin gửi lời cảm ơn toàn thể các CBCNV Công ty đã không ngừng nỗ lực để góp phần vào thành công chung của Công ty đồng thời xin chân thành cảm ơn các quý vị cổ đông đã ủng hộ và giúp đỡ Hội đồng quản trị trong suốt 5 năm qua để chúng tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ mà các cổ đông giao. Chúng tôi mong muốn rằng quý vị cổ đông sẽ tiếp tục đồng hành và ủng hộ Hội đồng quản trị nhiệm kỳ tới để đưa Công ty CADIVI ngày càng phát triển một cách ổn định và bền vững.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N. 0391
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DÂY CÁP ĐIỆN
VIỆT NAM
QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoa Cường

Số: 01/2017/CADIVI-BKS

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 29/11/2014;
- Chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty;
- Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam;
- Thực tế hoạt động năm 2016 của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam,

Ban Kiểm soát (BKS) Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (Công ty) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016

Trong năm 2016, Ban kiểm soát Công ty có sự thay đổi về nhân sự. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 15/03/2016 Bà Vũ Thanh Hương được bầu bổ sung vào BKS thay thế cho Ông Phạm Tuấn Anh - có đơn xin rút khỏi BKS. Bà Vũ Thanh Hương được BKS bầu làm trưởng BKS từ ngày 15/3/2016.

Đến cuối năm 2016 Ban Kiểm soát Công ty bao gồm 03 thành viên đều có chuyên môn nghiệp vụ kế toán. Các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện chức trách nhiệm vụ được quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Năm 2016, thực hiện quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ hàng quý dưới các hình thức tập trung cũng như qua điện thoại, email để tiến hành kiểm tra, giám sát việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Cụ thể:

- Xem xét tính hợp lý, pháp lý và phù hợp của các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành;
- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty;
- Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty;
- Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tài chính năm;
- Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động kiểm tra, giám sát nhưng vẫn duy trì sự độc lập

của mình trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ. HĐQT, Ban điều hành và các đơn vị chức năng đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình. Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty.

Năm 2016, Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị hay khiếu nại nào của cổ đông về tình hình hoạt động của Công ty.

Đến tháng 3 năm 2017 Công ty chi trả hết 94% thù lao HĐQT và BKS năm 2016 theo mức đã được ĐHĐCĐ năm 2016 phê duyệt là 2% trên Lợi nhuận trước thuế TNDN.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2016

1. Đánh giá công tác quản lý, điều hành:

1.1. Công tác quản lý của Hội đồng quản trị (HĐQT)

Trong năm 2016, HĐQT có sự thay đổi về nhân sự. Ông Lê Quang Định từ nhiệm vị trí thành viên HĐQT từ ngày 21/7/2016, Ông Nguyễn Đình Hùng được bầu làm thành viên HĐQT từ ngày 21/07/2016.

Từ tháng 1/2016 đến tháng 12/2016, Hội đồng quản trị đã họp và Ban hành 18 Nghị quyết, 59 Quyết định. HĐQT đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành theo đúng quy định, kịp thời, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ đã được quy định tại Điều lệ Công ty.

1.2 Công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc (BTGD)

Nhân sự của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2016 có sự thay đổi như sau:

(1) Ông Nguyễn Trung Trường - Phó Tổng giám đốc Công ty - được HĐQT chấp thuận đơn xin thôi việc từ ngày 01/07/2016.

(2) Ông Lê Quang Định - được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc Công ty từ ngày 01/12/2016 thay cho Ông Nguyễn Lộc - có đơn xin nghỉ hưu trước tuổi.

Trong năm 2016, (1) Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT, Nghị quyết của ĐHĐCĐ; (2) thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành; (3) Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn. Hoạt động của Ban Tổng giám đốc đúng nguyên tắc và mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, BTGD

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động kiểm tra, giám sát nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình. Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị và Công ty.

3. Thẩm định báo cáo tài chính

Ban Kiểm soát thống nhất với các nội dung trong Báo cáo Tài chính năm 2016 của Công ty đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam AASCS kiểm toán. Xét trên phương diện trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh hợp lý, trung thực tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2016 cũng như kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty. Ban kiểm soát đã kiểm tra việc tuân thủ Luật kế toán và các Chuẩn mực kế toán hiện hành trong việc lập báo cáo, qua đó Ban kiểm soát thống nhất và xác nhận số liệu trong báo cáo Tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi AASCS. (Vui lòng xem phụ lục 01, 02 kèm theo Báo cáo này)

4. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận chức năng đã rất cố gắng, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của HĐQT và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 (hợp nhất):

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016 (hợp nhất)	So với KH 2016 (%)
1	Doanh thu	Tỷ.đ	6.000	5.631	94
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ.đ	250	304	122
3	Cổ tức	%	30	35(*)	117

(*) Theo Phương án phân phối lợi nhuận năm 2016

Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế TNDN cao hơn so với kế hoạch là 22%. Doanh thu thực hiện năm 2016 thấp hơn so với kế hoạch năm 2016 chủ yếu là do doanh thu thương mại (bán hàng hóa) giảm - do Ban điều hành chủ động điều chỉnh giảm hoạt động thương mại để ưu tiên cho hoạt động sản xuất và bán các sản phẩm của Công ty.

Với những kết quả Công ty đã đạt được trong năm 2016, đặt trong bối cảnh môi trường cạnh tranh quyết liệt của thị trường dây cáp điện ở Việt Nam, đã thể hiện

sự cố gắng rất lớn của HĐQT, Ban điều hành và các CBCNV trong Công ty trong suốt năm 2016.

5. Công tác đầu tư

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển thị trường, mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và năng suất lao động, công ty tiếp tục đầu tư thay thế, nâng cấp thiết bị máy móc, nhà xưởng. Tổng mức đầu tư và đưa tài sản cố định vào sử dụng năm 2016 là 63,2 tỷ đồng.

Các thủ tục đầu tư được thực hiện đầy đủ, tuân thủ các quy trình thủ tục, qui định hiện hành về quản lý đầu tư và Điều lệ công ty. Các hạng mục đầu tư đã hoàn thành và đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả trong công tác sản xuất kinh doanh.

6. Đánh giá việc sử dụng vốn và huy động vốn

Để đảm bảo đủ vốn lưu động và vốn đầu tư, Công ty thực hiện vay vốn ngắn hạn và dài hạn từ (1) các tổ chức tín dụng, các pháp nhân, và (2) từ nguồn ký quỹ từ các đại lý. Tại thời điểm 31/12/2016 tổng số dư vay vốn và nhận ký quỹ của Công ty là 905,89 tỉ đồng.

Số tiền 576 tỉ thu được trong quý I năm 2017 từ việc bán cổ phiếu của Công ty cho các cổ đông hiện hữu sẽ giảm tải được một phần về vốn vay cho Công ty.

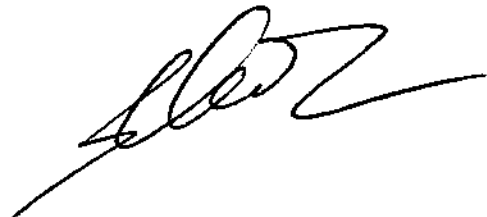
III. KẾT LUẬN:

Trên đây là các nội dung công việc mà Ban kiểm soát đã thực hiện trong quá trình kiểm tra, giám sát tại Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam trong năm 2016. Ban kiểm soát trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông và mong được sự đóng góp chân thành của Quý vị cổ đông giúp Ban kiểm soát thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2017;
- Lưu Công ty.



VŨ THANH HƯƠNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (BC RIÊNG)

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4,452,674,594,950	4,656,900,650,074
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	89,059,274,061	218,696,933,431
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	4,363,615,320,889	4,438,203,716,643
4. Giá vốn hàng bán	11	3,920,246,501,202	4,043,984,086,323
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	443,368,819,687	394,219,630,320
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	59,016,730,238	65,533,485,021
7. Chi phí tài chính	22	47,774,334,277	48,547,856,861
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	23,316,904,551	23,266,310,917
8. Chi phí bán hàng	25	66,856,730,089	64,194,394,186
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	98,248,453,151	147,239,708,670
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	289,506,032,408	199,771,155,624
11. Thu nhập khác	31	6,490,282,270	1,846,740,710
12. Chi phí khác	32	24,962,013,614	97,042,901
13. Lợi nhuận khác	40	(18,471,731,344)	1,749,697,809
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	271,034,301,064	201,520,853,433
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	46,489,354,454	31,338,925,748
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	753,107,235	108,281,913
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	223,791,839,375	170,073,645,772

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (BC RIÊNG)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1,228,715,492,997	1,384,958,702,645
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	69,840,553,073	184,896,436,138
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	619,260,587,200	574,402,437,035
IV Hàng tồn kho	140	533,519,186,707	606,848,300,732
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	6,095,166,017	18,811,528,740
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200	725,712,433,641	479,191,709,341
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	395,000,000	395,000,000
II. Tài sản cố định	220	294,046,948,234	287,576,429,652
III. Bất động sản đầu tư	230		
IV Tài sản dở dang dài hạn	240	226,233,372,527	12,075,889,812
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	109,752,882,762	109,600,565,811
VI Tài sản dài hạn khác	260	95,284,230,118	69,543,824,066
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1,954,427,926,638	1,864,150,411,986

NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
C NỢ PHẢI TRẢ	300	1,250,554,647,423	1,260,559,398,195
I. Nợ ngắn hạn	310	1,153,571,478,917	1,243,111,406,394
II. Nợ dài hạn	330	96,983,168,506	17,447,991,801
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	703,873,279,215	603,591,013,791
I. Vốn chủ sở hữu	410	703,873,279,215	603,591,013,791
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1,954,427,926,638	1,864,150,411,986

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (BC HỢP NHẤT)

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5,735,116,805,471	5,905,423,725,895
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	104,065,225,809	237,579,247,316
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5,631,051,579,662	5,667,844,478,579
4. Giá vốn hàng bán	11	5,069,318,240,277	5,177,772,646,817
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	561,733,339,385	490,071,831,762
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6,290,038,480	6,370,947,394
7. Chi phí tài chính	22	51,535,333,198	51,170,510,508
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	23,478,136,729	23,268,463,695
8. Chi phí bán hàng	25	82,850,098,923	70,579,045,873
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	113,153,354,544	157,417,804,174
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	320,484,591,200	217,275,418,601
11. Thu nhập khác	31	6,695,531,933	2,220,168,672
12. Chi phí khác	32	22,769,529,965	97,042,901
13. Lợi nhuận khác	40	(16,073,998,032)	2,123,125,771
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	304,410,593,168	219,398,544,372
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	64,681,721,116	48,826,601,245
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	357,066,668	(4,083,078)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	239,371,805,384	170,576,026,205

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (BC HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1,475,925,575,850	1,580,674,941,800
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	112,369,980,938	258,121,948,784
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	30,047,794,267	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	662,429,633,428	643,166,500,003
IV Hàng tồn kho	140	660,104,622,216	660,574,964,273
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	10,973,545,001	18,811,528,740
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200	711,810,574,495	460,357,590,743
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	405,000,000	395,000,000
II. Tài sản cố định	220	337,977,218,376	328,733,976,540
III. Bất động sản đầu tư	230		
IV Tài sản dở dang dài hạn	240	228,370,721,035	13,912,448,153
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5,352,882,762	9,600,565,811
VI Tài sản dài hạn khác	260	139,704,752,322	107,715,600,239
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	2,187,736,150,345	2,041,032,532,543

NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
C NỢ PHẢI TRẢ	300	1,439,519,171,337	1,401,244,775,329
I. Nợ ngắn hạn	310	1,338,354,363,937	1,383,793,633,599
II. Nợ dài hạn	330	101,164,807,400	17,451,141,730
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	748,216,979,008	639,787,757,214
I. Vốn chủ sở hữu	410	748,216,979,008	639,787,757,214
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	2,187,736,150,345	2,041,032,532,543

TP. Hồ Chí Minh , ngày 22 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

(V/v Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất
và Báo cáo tài chính riêng năm 2016 đã được kiểm toán)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam;
- Căn cứ các Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng năm 2016 của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam đã được kiểm toán bởi công ty AASCs,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng năm 2016 đã được Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán AASCs kiểm toán, bao gồm:

- Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo kiểm toán độc lập số 105/BCKT/TC/2017/AASCs đối với Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Báo cáo kiểm toán độc lập số 104/BCKT/TC/2017/AASCs đối với Báo cáo tài chính riêng;
- Bản cân đối kế toán riêng và hợp nhất;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất;
- Các thuyết minh Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất.

Một số thông tin tóm tắt về Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng năm 2016 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam như sau:

I. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016

1. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 31/12/2015
I	Tổng tài sản	2.187.736	2.041.033
1	Tài sản ngắn hạn	1.475.926	1.580.675
2	Tài sản dài hạn	711.810	460.358
II	Tổng nguồn vốn	2.187.736	2.041.033
1	Nợ phải trả	1.439.519	1.401.245
2	Vốn chủ sở hữu	748.217	639.788



2. Kết quả Hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Cho năm tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31/12/2016	Cho năm tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31/12/2015
I	Doanh thu hợp nhất	5.631.052	5.667.844
II	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	304.411	219.399
III	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	239.372	170.576

II. Báo cáo tài chính riêng năm 2016

1. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 31/12/2015
I	Tổng tài sản	1.954.427	1.864.150
1	Tài sản ngắn hạn	1.228.715	1.384.959
2	Tài sản dài hạn	725.712	479.191
II	Tổng nguồn vốn	1.954.427	1.864.150
1	Nợ phải trả	1.250.554	1.260.559
2	Vốn chủ sở hữu	703.873	603.591

2. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Cho năm tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31/12/2016	Cho năm tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31/12/2015
I	Doanh thu	4.363.615	4.438.204
II	Lợi nhuận trước thuế	271.034	201.521
III	Lợi nhuận sau thuế	223.792	170.074

Các báo cáo trên đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải đầy đủ trên website của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam địa chỉ: www.cadivi.vn hoặc cadivi-vn.com.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoa Cường

Tp.Hồ Chí Minh ngày 22 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

(V/v Phương án phân phối lợi nhuận năm 2016)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế tài chính của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2016 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1	Lợi nhuận sau thuế riêng năm 2016 của CADIVI	223.791.839.375
2	Lợi nhuận riêng chưa phân phối năm 2015 chuyển sang	55.734.037.307
3	Tổng lợi nhuận có thể phân phối	279.525.876.682
4	Phân phối lợi nhuận năm 2016	260.692.939.119
4.1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi 10%.	22.379.183.938
4.2	Thưởng cơ quan quản lý điều hành Công ty 3%.	6.713.755.181
4.3	Quỹ thưởng khách hàng	30.000.000.000
4.4	Chia cổ tức năm 2016 35% (Ngày chốt danh sách 28/4/2017, ngày bắt đầu trả 16/5/2017)	201.600.000.000
5	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm 2017	18.832.937.563

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoa Cường

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

(V/v Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam,

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành và yêu cầu thực tiễn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ CADIVI như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung các nội dung cụ thể của Điều lệ theo Phụ lục đính kèm và giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật các nội dung này vào Điều lệ, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị thực hiện đăng ký Điều lệ với cơ quan có thẩm quyền (nếu có theo quy định luật hiện hành) và công bố thông tin. Điều lệ sửa đổi bổ sung này có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoa Cường

PHỤ LỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CADIVI

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi	Giải trình lý do đề xuất sửa đổi
1	Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	Điều 5.8 Điều lệ quy định “ <i>Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật</i> ”	Đề xuất sửa đổi như sau: <i>“Công ty có thể phát hành các loại cổ phần khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật”</i>	Điều 5 Điều lệ CADIVI đang đề cập về <u>vốn điều lệ, các loại cổ phần và việc phát hành cổ phần của CADIVI.</u> Trong khi đó chỉ Khoản 8 của Điều này lại đề cập đến việc phát hành chứng khoán nói chung (chứng khoán thì được hiểu bao gồm cổ phần, trái phiếu...) Do đó để logic với tiêu đề của điều khoản và logic giữa các khoản trong một điều, khuyến nghị sửa từ “chứng khoán” thành “cổ phần”. Ngoài ra, đối với phát hành trái phiếu riêng lẻ không kèm chứng quyền thì luật cho phép HĐQT của công ty được quyết

				định mà không nhất thiết phải ra ĐHĐCĐ phê chuẩn.
2	Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	Điều 8.3 Điều lệ quy định: “Trong trường hợp một cổ đông bị chết, những người thừa kế theo di chúc hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.”	Đề xuất sửa đổi như sau: “Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.”	Đề xuất sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 126 Luật Doanh nghiệp.
3	Điều 11.3 về quyền của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên		Đề xuất bổ sung thêm quyền của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên như sau: “Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;”	Đề xuất bổ sung thêm quyền “Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát” để phù hợp với Điều 114.2.b Luật Doanh nghiệp.

4	Điều 13.3 về trường hợp triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 13.3.c Điều lệ quy định HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường khi “<i>Khi số thành viên của HĐQT ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc hơn một nửa số thành viên so với số quy định tại Điều lệ Công ty.</i>” - Điều 13.3.e Điều lệ quy định HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường khi “<i>Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình</i>” 	<p>Đề xuất sửa đổi như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 13.3.c: “<i>Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định</i>” - Điều 13.3.e: “<i>Theo yêu cầu của Ban kiểm soát</i>” 	<p>So với quy định trước đây thì Điều 136.3.b Luật Doanh nghiệp 2014 đã bổ sung thêm một trường hợp Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông, đó là khi số thành viên còn lại của Ban kiểm soát ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 136.3.d Luật Doanh nghiệp 2014 quy định HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ khi có yêu cầu của Ban Kiểm soát (mà không quy định lý do Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập họp là gì).</p>
5	Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 14.1 Điều lệ hiện hành quy định: “<i>Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</i> <ul style="list-style-type: none"> a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; 	<p>Đề xuất sửa đổi như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 14.1: “<i>Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</i> <ul style="list-style-type: none"> a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung Điều 14.1 Điều lệ theo đúng quy định tại Điều 136.2 Luật Doanh nghiệp 2014.

		<p><i>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</i></p> <p><i>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.”</i></p> <p>- Điều 14.2.c và Điều 14.2.d Điều lệ hiện hành quy định Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p><i>“c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</i></p> <p><i>d. Lựa chọn công ty kiểm toán”</i></p>	<p><i>quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</i></p> <p><i>c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</i></p> <p><i>d. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;</i></p> <p><i>e. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</i></p> <p><i>f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</i></p> <p><i>g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền”.</i></p> <p>- Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 14.2.c và Điều 14.2.d như sau:</p> <p><i>“c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>d. Lựa chọn công ty kiểm toán hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập để ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán này</i></p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung Điều 14.2.c để phù hợp với pháp luật hiện hành đồng thời sửa đổi, bổ sung Điều 14.2.d để phù hợp và thống nhất với Điều 45.1 Điều lệ CADIVI.</p>
--	--	--	---	--

		<p>- Điều 14.2.m Điều lệ quy định ĐHĐCĐ thường niên và bất thường thông qua các vấn đề sau:</p> <p><i>“Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong <u>báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán</u>”</i></p> <p>- Điều 14.2.p Điều lệ quy định “Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán”</p>	<p><u>tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo;”</u></p> <p>- Sửa tham chiếu “Điều 14.2.m” thành “Điều 14.2.l” và đề xuất sửa đổi nội dung của điều khoản này như sau: <u>“Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.”</u></p> <p>- Sửa tham chiếu “Điều 14.2.p” thành “Điều 14.2.o” và đề xuất sửa đổi nội dung của điều khoản này như sau: <u>“Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất”</u></p>	<p>- Sửa đổi nội dung Điều 14.2.m Điều lệ hiện hành để phù hợp với Điều 135.2.d Luật Doanh nghiệp và thống nhất với Điều 20.1.d Điều lệ CADIVI.</p> <p>- Sửa đổi Điều 14.2.p Điều lệ hiện hành để phù hợp với Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và thống nhất với Điều 25.4.c Điều lệ CADIVI.</p>
--	--	---	---	--

6	<p>Điều 15. Các đại diện được ủy quyền</p>	<p>- Khoản 1 Điều 15 Điều lệ hiện hành có quy định: “<u>Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa ba người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.</u>”</p>	<p>- Đề xuất chỉnh sửa Khoản 1 Điều 15 như sau: “<u>Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được ủy quyền tối đa cho 05 người đại diện thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình</u>”</p> <p>- Đề xuất bổ sung thêm câu sau vào Khoản 2 Điều 15 như sau: “<u>Cổ đông là cá nhân được ủy quyền cho một cá nhân khác tham dự Đại hội đồng cổ đông.</u>”</p>	<p>Đề xuất sửa đổi trên cơ sở phù hợp với pháp luật hiện hành và thực tế ủy quyền đại diện của cổ đông tại CADIVI.</p>
7	<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>- Điều 17.2.a Điều lệ quy định Người triệu tập ĐHCĐ phải thực hiện nhiệm vụ sau đây:</p> <p>“<u>Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội <u>chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty</u>”</u></p> <p>- Điều 17.7 Điều lệ quy định: “<u>Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ</u></p>	<p>Đề xuất sửa đổi như sau:</p> <p>- Điều 17.2.a: “<u>Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. <u>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông</u>”.</u></p> <p>- Đề xuất bỏ Khoản 7 Điều 17.</p>	<p>- Sửa Điều 17.2.a Điều lệ để phù hợp với Điều 137.1 Luật Doanh nghiệp 2014.</p> <p>- Đề xuất bỏ Điều 17.7 Điều lệ do không phù hợp với Điều</p>

		<p><i>phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.”</i></p>		<p>148.2 Luật Doanh nghiệp 2014.</p>
8	<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>		<p>- Đề xuất bổ sung nội dung như sau vào Khoản 4 Điều 20:</p> <p><i>“4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</i></p> <p><i>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</i></p> <p><i>b) Tổ chức lại, giải thể Công ty.”</i></p>	<p>- Đề xuất bổ sung quy định trường hợp ĐHĐCĐ phải tổ chức họp để thông qua ý kiến cổ đông mà không được lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều 143.2 Luật Doanh nghiệp 2014 đồng thời đề xuất thu hẹp phạm vi các vấn đề buộc phải tổ chức họp để thông qua so với quy định tại Điều 143.2 Luật Doanh nghiệp 2014 nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty triển khai các hoạt động.</p>

			<p>- Đề xuất bổ sung Khoản 5 vào Điều 20 như sau:</p> <p><i>“5. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.”</i></p>	<p>- Đề xuất bổ sung theo Điều 148.2 Luật doanh nghiệp 2014 để có cơ sở thực hiện.</p>
9	Điều 22. Biên bản, nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông		<p>Đề xuất bổ sung thêm Khoản 2 vào Điều 22 như sau:</p> <p><i>“2. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</i></p> <p><i>a. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</i></p> <p><i>b. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 Điều lệ, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp</i></p>	<p>Bổ sung theo Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2014.</p>

			<i>dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.”</i>	
10	Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị		<p>Điều 24.5: Đề xuất bổ sung thêm một trường hợp thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên là khi: “<i>Tư cách làm người đại diện quản lý phần vốn góp của cổ đông/nhóm cổ đông tại Công ty chấm dứt. Trong trường hợp này cổ đông là pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức vị chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải có văn bản gửi đến Hội đồng quản trị. Kể từ ngày nhận được văn bản hoặc thời hạn ghi trên văn bản (tính thời điểm đến sau) thì người thay thế đó trở thành thành viên Hội đồng quản trị. Nếu người được thay là chủ tịch Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị phải họp và bầu chủ tịch Hội đồng quản trị mới theo quy định. Hội đồng quản trị phải báo cáo việc thay đổi này tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất đó”.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất bổ sung thêm trường hợp không còn tư cách thành viên HĐQT nhằm tạo cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện khi có sự thay đổi người đại diện vốn của tổ chức tại CADIVI. - Đề xuất bổ sung các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm

			<p>- Đề xuất bổ sung thêm Khoản 10 vào Điều 24 để quy định về các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT như sau:</p> <p><i>“10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</i></p> <p><i>a. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ; - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Có đơn từ chức; - Không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 5 Điều này. <p><i>b. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.”</i></p>	<p>và bổ sung thành viên HĐQT theo Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2014 làm căn cứ thực hiện.</p>

11	<p>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p>- Điều 25.3. h Điều lệ hiện hành quy định HĐQT có thẩm quyền “<i>Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền</i>”</p> <p>- Điều 25.3.i Điều lệ hiện hành quy định HĐQT có thẩm quyền “<i>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các vị trí quản lý khác trong Công ty, người đại diện của Công ty mà Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</i>”</p>	<p>- Đề xuất sửa lại Điều 25.3.h như sau: <i>“Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.”</i></p> <p>- Đề xuất sửa lại Điều 25.3.i như sau: <i>“<u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính, Giám đốc hoặc Trưởng chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện của Công ty, quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý này; cử/thôi/chấm dứt tư cách người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</u>”</i></p>	<p>Đề xuất sửa đổi và bổ sung một số quy định tại Điều 25 để phù hợp với Điều 149.2 Luật Doanh nghiệp 2014.</p>
----	--	--	---	--

			<p>- Đề xuất bổ sung thêm các điểm sau vào Điều 25.3:</p> <p><i>“m) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</i></p> <p><i>n) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</i></p> <p><i>o) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 135, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;</i></p> <p><i>p) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</i></p> <p><i>q) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.”</i></p>	
			<p>Đề xuất sửa đổi, bổ sung như sau:</p>	

12	Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 26.1 Điều lệ quy định “ <i>Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch</i>” 	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi Điều 26.1 như sau: “<i>Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch.</i>” - Bổ sung trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT tại Điều 26.2 như sau: <ul style="list-style-type: none"> “<i>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</i> <i>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</i> <i>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;</i> <i>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;</i> <i>e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</i>” - Đề xuất bổ sung thêm nội dung: “<i>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Theo quy định mới tại Điều 149.2.i Luật Doanh nghiệp thì việc bầu Chủ tịch HĐQT sẽ do HĐQT thực hiện mà không do ĐHĐCD thực hiện nữa. - Đề xuất cụ thể hóa trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT theo Khoản 3 Điều 152 Luật Doanh nghiệp. - Đề xuất bổ sung nội dung liên quan đến ủy quyền khi Chủ tịch HĐQT vắng mặt
----	--	---	---	---

			<p>của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.”</p>	<p>theo Điều 152.4 Luật Doanh nghiệp.</p>
13	<p>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p>	<p>- Điều 27.4 Điều lệ quy định “Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp...”</p> <p>- Điều 27.8 Điều lệ quy định: “Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất....”</p>	<p>- Đề xuất sửa đổi Điều 27.4 Điều lệ như sau: “Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được triệu tập trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp...”</p> <p>- Đề xuất sửa đổi Điều 27.8 Điều lệ như sau: “Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất....”</p> <p>- Bổ sung thêm nội dung tại Điều 27.9.a như sau: “Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp</p>	<p>- Sửa Điều 27.4 Điều lệ để phù hợp với Điều 153.5 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>- Sửa Điều 27.8 Điều lệ để phù hợp với Điều 153.8 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>- Bổ sung thêm quy định về quyền dự họp HĐQT để phù hợp với Điều 153.10 Luật Doanh nghiệp.</p>

			<i>nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;”</i>	
14	Điều 30 về quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc		<p>Đề xuất bổ sung hai nội dung sau vào quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 30.4.b: “.....Đối với những hợp đồng, giao dịch mà cần phải thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này và các quy định nội bộ khác của Công ty thì Tổng giám đốc chỉ được thay mặt Công ty ký kết khi Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị đã chấp thuận/thông qua.” - Điều 30.4.d: “Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;” 	<p>Bổ sung để phù hợp với các quy định về thẩm quyền phê duyệt hợp đồng, giao dịch của ĐHĐCĐ và HĐQT.</p> <p>Bổ sung nhằm tạo sự chủ động trong công tác điều hành của Tổng giám đốc.</p>
15	Điều 32. Thành viên		- Đề xuất bổ sung thêm quy định về Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát:	- Bổ sung thêm quy định về tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát phù

	<p>Ban kiểm soát</p>		<p><i>“a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</i></p> <p><i>b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;</i></p> <p><i>c) Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.”</i></p> <p>- Điều 32.6: Đề xuất bổ sung thêm một trường hợp mất tư cách thành viên Ban kiểm soát khi: <i>“Tư cách làm người đại diện quản lý phần vốn góp của cổ đông/nhóm cổ đông tại Công ty chấm dứt. Trong trường hợp này cổ đông là pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ vị trí Trưởng ban hay thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải có văn bản gửi đến Ban kiểm soát. Kể từ ngày nhận được văn bản hoặc thời hạn ghi trên văn bản (tính thời điểm đến sau) thì người thay thế đó trở thành thành viên</i></p>	<p>hợp với Điều 164 Luật Doanh nghiệp làm căn cứ thực hiện.</p> <p>- Bổ sung thêm trường hợp mất tư cách thành viên Ban kiểm soát nhằm tạo cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện khi có sự thay đổi người đại diện vốn của cổ đông tổ chức tại CADIVI.</p>
--	-----------------------------	--	--	--

			<p><i>Ban kiểm soát. Nếu người được thay là Trưởng ban thì Ban kiểm soát phải họp và bầu Trưởng ban mới theo quy định. Ban kiểm soát phải báo cáo việc thay đổi này tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất đó”.</i></p> <p>- Đề xuất bổ sung thêm quy định về việc Ban kiểm soát bổ nhiệm tạm thời thành viên mới thay thế chỗ trống phát sinh tại Khoản 7 Điều 32 như sau:</p> <p><i>“Ban kiểm soát có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Ban kiểm soát để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban kiểm soát cho đến</i></p>	<p>- Đề xuất bổ sung quy định về việc Ban kiểm soát bổ nhiệm tạm thời thành viên mới thay thế chỗ trống phát sinh làm căn cứ triển khai trên thực tế khi có phát sinh tình huống.</p>
--	--	--	---	---

			<p>trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng có đồng có sự tham gia biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.”</p> <p>- Đề xuất bổ sung thêm các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát vào Khoản 8 Điều 32 như sau:</p> <p>“a. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này; - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Có đơn từ chức và được chấp thuận; - Không còn tư cách thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 6 Điều này. <p>b. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; 	<p>- Bổ sung thêm các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát phù hợp với quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp làm căn cứ thực hiện.</p>
--	--	--	---	--

			<ul style="list-style-type: none"> - <i>Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ;</i> - <i>Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</i> 	
16	Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	<p>Điều 35.5 Điều lệ quy định:</p> <p><i>“Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của</i></p>	<p>Đề xuất sửa lại Điều 35.5 Điều lệ như sau:</p> <p><i>“Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>a. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận</i></p>	Sửa nhằm thống nhất với Điều 14.2. của Điều lệ CADIVI như khuyến nghị sửa đổi đã nêu bên trên và cũng để đảm bảo phù hợp với Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2014.

	<p>cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban</p>	<p>được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>b. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại điểm a Khoản này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.”</p>	
--	--	---	--

		<i>trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.”</i>		
17	Các chỉnh sửa, bổ sung khác theo dự thảo Điều lệ đính kèm.			

CADIVI



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CP DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
(SỬA ĐỔI LẦN THỨ BẢY THEO NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2017)

TP. Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
Vietnam Electric Cable Corporation

Trụ sở: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.1, Tp. HCM, Việt Nam
ĐT. (84.8) 3829 9443/ 3829 2972 Fax. (84.8) 3 8299437

www.cadivi.vn

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	6
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 6. Cổ phiếu.....	8
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	8
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 9. Thu hồi cổ phần	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	11
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	11
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	12
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền.....	16
Điều 16. Thay đổi các quyền	17
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này.	18
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.....	18
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 22. Biên bản, nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông	25

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	26
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	26
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	32
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	33
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ	
CÔNG TY.....	37
Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý	37
Điều 29. Cán bộ quản lý	37
Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành	37
Điều 31. Thư ký Công ty	39
IX. BAN KIỂM SOÁT	40
Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát.....	40
Điều 33. Ban kiểm soát.....	42
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN	
BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	
.....	44
Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng.....	44
Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	44
Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	45
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	46
Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	46
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ -	
XÃ HỘI TRONG CÔNG TY	47
Điều 38. Công nhân viên và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.....	47
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	47
Điều 39. Phân phối lợi nhuận.....	47
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG	
KẾ TOÁN.....	48
Điều 40. Tài khoản ngân hàng.....	48
Điều 41. Năm tài chính	48
Điều 42. Chế độ kế toán.....	49
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG	
BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	49

Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	49
Điều 44. Báo cáo thường niên	49
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	50
Điều 45. Kiểm toán	50
XVII. CON DẤU.....	50
Điều 46. Con dấu.....	50
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	50
Điều 47. Chấm dứt hoạt động.....	50
Điều 48. Thanh lý.....	51
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	51
Điều 49. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	51
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	52
Điều 50. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	52
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	52
Điều 51. Ngày hiệu lực.....	52

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Dây Cáp điện Việt Nam (dưới đây gọi là “Công ty”) là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty, là Công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với Luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được Công ty thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức chính thức vào ngày tháng ... năm 2017.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;
 - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
 - d. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc điều hành, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
 - e. "Công ty" là Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam;
 - f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
 - g. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - h. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - i. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.
 - j. Trong Điều lệ này, "Kiểm soát viên" và "thành viên Ban Kiểm soát" có cùng ý nghĩa.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
- Tên tiếng Anh : VIETNAM ELECTRIC CABLE CORPORATION
- Tên giao dịch : CADIVI
- Tên viết tắt : CADIVI

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ : 70 – 72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84.8) 38299443 - 38292971
- Fax: (84.8) 38299437
- E-mail : cadivi@cadivi.com.vn
- Website: www.cadivi.vn và www.cadivi-vn.com

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

- a. Số lượng người đại diện theo pháp luật là một (01) người. Tổng giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách

nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

- c. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh ra nước ngoài thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - d. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - e. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
 6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 47 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán xuất - nhập khẩu dây cáp điện, khí cụ điện, vật liệu kỹ thuật điện, sản phẩm từ kim loại màu, thiết bị phụ tùng máy móc và vật tư các loại;
- Kinh doanh nhà ở.
- Đầu tư, xây dựng văn phòng cho thuê.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh nhằm mục tiêu mang lại lợi nhuận tối đa hợp pháp; tạo công ăn việc làm ổn định

cho người lao động; đảm bảo các lợi ích hợp pháp cho cổ đông; thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo qui định của Pháp luật.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là 576.000.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi sáu tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 57.600.000 (năm mươi bảy triệu sáu trăm nghìn) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo của cổ phần được quy định tại Điều 11 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác.

Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông

hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ đông của Công ty được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.
2. Cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần có thể được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in Cổ phiếu. Quy định tại Khoản này không áp dụng cho trường hợp cổ phần Công ty được niêm yết giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung và cổ đông đã đăng ký lưu ký cổ phần thuộc sở hữu của mình vào tài khoản giao dịch chứng khoán mở tại công ty chứng khoán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
4. Trường hợp cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp lại cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chúng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác.
2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty.
4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.
6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ (nếu có) sẽ bị hủy bỏ và theo đề nghị cấp lại cổ phiếu của cổ đông, Công ty sẽ phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.
8. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 1,5 lần lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ số tiền đó vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc điều hành.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ Công ty quy định;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
Các quyền đối với các loại cổ phần khác (nếu có) phát sinh sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:
 - a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 3 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này;

- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;
- c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;
- d. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
- e. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- f. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ Công ty quy định. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;

- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo

yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

- e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 13;

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - d. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
 - e. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
- a. Thông qua các báo cáo tài chính năm, thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này được Đại hội đồng cổ đông thông qua căn cứ theo đề nghị của Hội đồng quản trị;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập đề ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - n. Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 14 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán (khi niêm yết).
4. Tất cả các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

- 1. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được ủy quyền tối đa cho 05 người đại diện thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.
- 2. Phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều này, các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Cổ đông là cá nhân được ủy quyền cho một cá nhân khác tham dự Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty). Nếu điều này không được thực hiện thì việc chỉ định ủy quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ

phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - c. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - d. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - e. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - f. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - g. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (khi niêm yết), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo

được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 trong các trường hợp sau:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;
6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
4. Theo đề nghị Chủ toạ, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, khi tiến hành đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ. Kết quả kiểm phiếu được Chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không có người có thể làm chủ toạ, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu

chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
6. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
7. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp; (b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; (c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (3) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
9. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
10. Người triệu tập họp có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà người triệu tập họp cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp sau

khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.

11. Người triệu tập họp, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu người triệu tập họp thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

12. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

13. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.
 3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.
 4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - b) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
 5. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 20 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến và đã bị mở/tiết lộ trước thời điểm kiểm phiếu đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các quyết định đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản, nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên

bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

2. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
 - a. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
 - b. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 Điều lệ, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh Nghiệp;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) năm người và nhiều nhất là chín (09) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.
3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Tư cách làm người đại diện quản lý phần vốn góp của cổ đông/nhóm cổ đông tại Công ty chấm dứt. Trong trường hợp này cổ đông là pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức vị chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải có văn bản gửi đến Hội đồng quản trị. Kể từ ngày nhận được văn bản hoặc thời hạn ghi trên văn bản (tính thời điểm đến sau) thì người thay thế đó trở thành thành viên Hội đồng quản trị. Nếu người được thay là chủ tịch Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị phải họp và bầu chủ tịch Hội đồng quản trị mới theo quy định. Hội đồng quản trị phải báo cáo việc thay đổi này tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất đó.
6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
 7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
 8. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.
 9. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị

của các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế.

10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

a. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ;
- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Có đơn từ chức;
- Không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 5 Điều này.

b. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty, quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;

d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;

- f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - h. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính, Giám đốc hoặc Trưởng chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện của Công ty, quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý này; cử/thôi/chấm dứt tư cách người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
 - j. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;
 - k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - l. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể, phá sản Công ty.
 - m. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - n. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - o. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 135, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;
 - p. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - q. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;

- c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty trong phạm vi thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
 6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
 7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được

chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
 - b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Ban kiểm soát.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được triệu tập trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những

thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị

không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

- c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 35 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
 11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển tới Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ đồng hồ trước thời gian dự kiến bắt đầu cuộc họp
 13. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp được tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị và được tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị có đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp, được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp, chữ ký của người ghi biên bản cuộc họp.
16. Những người được mời họp dự thính. Tổng giám đốc (nếu không là thành viên Hội đồng quản trị), những cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng.
17. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản

trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

18. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc điều hành, các Phó Tổng giám đốc điều hành và một (01) Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 29. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị theo khoản 3 điều 25 của Điều lệ này sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc: áp dụng theo quy định tại Điều 65 của Luật Doanh nghiệp:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;
 - b. Là cá nhân sở hữu ít nhất 10% vốn điều lệ của Công ty hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ này.
2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
 3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là 05 năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
 4. Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất. Đối với những hợp đồng, giao dịch mà cần phải thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này và các quy định nội bộ khác của Công ty thì Tổng giám đốc chỉ được thay mặt Công ty ký kết khi Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị đã chấp thuận/thông qua;
 - c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý như Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các vị trí quản lý khác trong Công ty mà Hội đồng quản trị phê chuẩn (trừ Tổng Giám đốc điều hành) mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý đó;
 - d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- e. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.
 - f. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.
5. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
 6. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 31. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.

3. Tham dự các cuộc họp.
4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) thành viên. Các thành viên của Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của công ty.

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải bầu một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
 3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ

chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
5. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - c) Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
6. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - f. Tư cách làm người đại diện quản lý phần vốn góp của cổ đông/nhóm cổ đông tại Công ty chấm dứt. Trong trường hợp này cổ đông là pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ vị trí Trưởng ban hay thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải có văn

bản gửi đến Ban kiểm soát. Kể từ ngày nhận được văn bản hoặc thời hạn ghi trên văn bản (tính thời điểm đến sau) thì người thay thế đó trở thành thành viên Ban kiểm soát. Nếu người được thay là Trưởng ban thì Ban kiểm soát phải họp và bầu Trưởng ban mới theo quy định. Ban kiểm soát phải báo cáo việc thay đổi này tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất đó.

7. Ban kiểm soát có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Ban kiểm soát để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát
 - a. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này;
 - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - Không còn tư cách thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 6 Điều này.
 - b. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ;
 - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;
 - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;
 - e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
 - g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
 - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;
 - i. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - j. Các quyền hạn và nghĩa vụ khác quy định tại Điều 165 Luật Doanh Nghiệp.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.

4. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của mình với Công ty theo quy định của Điều 159 Luật Doanh nghiệp.
4. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
5. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

- a. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- b. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại điểm a Khoản này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận

rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị. Các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại

trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÔNG TY

Điều 38. Công nhân viên và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội

1. Các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước Việt Nam và theo các Điều lệ tổ chức mình phù hợp với quy định của Luật pháp.
2. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và hoạt động theo những quy định tại mục 1 trên đây.
3. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.
4. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức chính trị xã hội theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 39. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu Công ty (khi niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán) có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Tỷ lệ (%) trích lập của các quỹ được thực hiện hằng năm theo kiến nghị của Hội đồng quản trị và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KÊ TOÁN

Điều 40. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 41. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 42. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi ngày (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (khi niêm yết), cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (khi niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 44. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 45. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng tám mươi lăm (85) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 46. Con dấu

1. Công ty có con dấu riêng. Con dấu của Công ty phải được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty. Hình thức và nội dung của con dấu, điều kiện làm con dấu thực hiện theo quy định của Luật pháp.
2. Con dấu là tài sản của Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm quản lý sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp cần thiết, được sự đồng ý của cơ quan cấp dấu, Công ty có thể có con dấu thứ hai.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 47. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 48. Thanh lý

- 1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- 2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- 3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 49. Giải quyết tranh chấp nội bộ

- 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp,

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng năm ngày (5) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 50. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này hoặc có những quy định tại Điều lệ này trái với những quy định pháp luật hiện hành liên quan thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 51. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 51 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam nhất trí thông qua ngày 11 tháng 4 năm 2017 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản và có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

- c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty.

CTCP DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Người đại diện theo pháp luật)

Phụ lục 01

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM (CADIVI)**

Stt	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đ/v cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/Địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, nơi cấp CMND, hộ chiếu đối với cá nhân/ Giấy CNĐKKD đối với DN, hoặc QĐ thành lập đối với tổ chức	Vốn góp (100% CP phổ thông)			
								Số lượng (cổ phần)	Giá trị (triệu đồng)	Sở hữu vốn	Thời gian góp vốn
1	Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam, đại diện:					10 Trần Nguyên Hãn, Hà Nội	Giấy ĐKKD số: 0106000822	11.320.560	113.205,60	NN	7/2007
	1. Ông Hoàng Nghĩa Đàn	10/10/1952	Nam	Việt Nam	Kinh		020263400, ngày 30/6/1999				
	2. Ông Nguyễn Khắc Quý	20/02/1950	Nam	Việt Nam	Kinh		023007625, ngày 13/8/1992				
	3. Ông Nguyễn Lộc	01/02/1960	Nam	Việt Nam	Kinh		023000733, ngày 03/6/2007				
	4. Ông Nguyễn Dung	20/8/1954	Nam	Việt Nam	Kinh		020708211, ngày 29/7/2004				
2	Quý thành viên Vietcombank 1, đại diện:					198 Trần Quang Khải, Hà nội	ĐKKD số: 02/UBCK-TLQTV	50.000	500,00	DD	7/2007
	Ông Trần Việt Anh	19/01/1973	Nam	Việt Nam	Kinh		011696297, ngày 27/9/2005				
3	Và 920 cổ đông khác							4.629.440	46.294,40		7/2007

Tp. Hồ Chí Minh ngày 22 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

(V/v kế hoạch năm 2017)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam;
- Căn cứ Kế hoạch năm 2017 của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch năm 2017 với các chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017
1	Doanh thu hợp nhất	6.200 tỉ đồng
2	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	410 tỉ đồng
3	Cổ tức	35%
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi CBCNV	10% lợi nhuận sau thuế
5	Thưởng cơ quan quản lý điều hành Công ty	3% lợi nhuận sau thuế
6	Thù lao HĐQT, BKS	2% lợi nhuận sau thuế

(Thù lao và các chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký công ty được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoa Cường

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

(V/v ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn
Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, được UBCKNN và Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán cho các công ty đại chúng và tổ chức niêm yết;
- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán Báo cáo tài chính;
- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Đề xuất

Để công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 được thuận lợi, kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn một (01) trong ba (03) đơn vị kiểm toán phù hợp, đáp ứng được những yêu cầu trên như sau:

- Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán AASCs
Địa chỉ: Số 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
Địa chỉ: Lầu 28 tòa nhà Bitexco, số 2 Hải Triều, P. Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoa Cường

Tp.Hồ Chí Minh ngày 22 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

(V/v Thông qua các giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam;
- Căn cứ kế hoạch mua sắm vật tư nguyên liệu chính phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt các giao dịch/hợp đồng mua bán vật tư nguyên liệu dự kiến ký kết giữa Công ty CP Dây Cáp điện Việt Nam (CADIVI) và Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam trong trường hợp các giao dịch/hợp đồng này vượt quá thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ CADIVI và pháp luật liên quan, cụ thể như sau:

- Bên bán: Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (GELEX);
- Mặt hàng: Đồng Cathode, đồng Rod Ø 8mm;
- Số lượng: không quá 10.000 tấn (mười ngàn tấn)
- Giá mua: [giá LME theo thị trường Luân Đôn + Phí gia công (Premium)] x 1.01;
Trong đó:
 - o Giá LME theo thị trường Luân Đôn có 2 loại giá: giá chốt giá theo thời điểm khi có nhu cầu (Spot) và giá bình quân của tháng trước – liền kề tháng giao hàng (M-1)
 - o Số lượng cho loại giá Spot: ≤ 6.400 tấn (sáu ngàn bốn trăm tấn)
 - o Số lượng cho loại giá M-1: ≤ 3.600 tấn (ba ngàn sáu trăm tấn)
 - o Phí gia công (Premium): là 65 USD/tấn (sáu mươi lăm đô-la cho một tấn) cho đồng tấm (Cathode) và 270 USD/tấn (hai trăm bảy mươi đô-la cho một tấn) cho đồng dây (Rod) Ø 8mm
 - o GELEX sẽ chịu chi phí vận chuyển đến kho của CADIVI
 - o CADIVI sẽ thanh toán cho GELEX trong vòng 30 ngày.
- Thời gian triển khai ký kết và thực hiện các hợp đồng/giao dịch vật tư: năm 2017
- Lý do lựa chọn đối tác là Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam:
 - o Tận dụng được ưu điểm của việc tập trung hóa mua sắm vật tư: Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam thực hiện việc mua sắm tập trung vật tư cho các đơn vị thành viên trong toàn hệ thống nên số lượng lớn, đàm phán cạnh tranh, giành được giá và các điều kiện thương mại tốt nhất từ các nhà cung ứng. Từ



đó hỗ trợ các đơn vị thành viên nói chung và CADIVI nói riêng giảm giá vật tư đầu vào, giảm giá thành sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng cường lợi ích cho CADIVI và các cổ đông của CADIVI;

- Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt nam có nguồn lực tài chính mạnh, có thể hỗ trợ vốn cho công ty thành viên thanh toán chậm, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác vận hành SXKD công ty thành viên;
- Việc tập trung hóa mua vật tư chính từ Tổng Công ty cho các đơn vị thành viên nâng cao tính thống nhất, minh bạch và hiệu quả trong công tác quản trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoa Cường



NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam,

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam được tổ chức vào lúc 8 giờ 30 ngày 11 tháng 4 năm 2017 tại Khách sạn Victory – 14 Võ Văn Tần Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số cổ đông có mặt tham dự gồm người, sở hữu và đại diện cho cổ phần, chiếm tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Nghị quyết của Đại hội với những nội dung chính như sau:

Điều 1. Nhất trí thông qua các báo cáo

1. Báo cáo của Tổng giám đốc
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị
3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát
4. Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng năm 2016 đã được kiểm toán

Điều 2. Nhất trí thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016, trong đó:

ĐVT : VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1	Lợi nhuận sau thuế riêng năm 2016 của CADIVI	223.791.839.375
2	Lợi nhuận riêng chưa phân phối năm 2015 chuyển sang	55.734.037.307
3	Tổng lợi nhuận có thể phân phối	279.525.876.682
4	Phân phối lợi nhuận năm 2016	260.692.939.119
4.1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi 10%.	22.379.183.938
4.2	Thưởng cơ quan quản lý điều hành Công ty 3%.	6.713.755.181
4.3	Quỹ thưởng khách hàng	30.000.000.000
4.4	Chia cổ tức năm 2016 35% (Ngày chốt danh sách 28/4/2017, ngày bắt đầu trả 16/5/2017)	201.600.000.000
5	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm 2017	18.832.937.563

Điều 3. Nhất trí sửa đổi Điều lệ Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (đính kèm Điều lệ đã sửa đổi).

Điều 4. Nhất trí thông qua kế hoạch năm 2017 của Công ty với các chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017
1	Doanh thu hợp nhất	6.200 tỉ đồng
2	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	410 tỉ đồng
3	Cổ tức	35%
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi CBCNV	10% lợi nhuận sau thuế
5	Thưởng cơ quan quản lý điều hành Công ty	3% lợi nhuận sau thuế
6	Thù lao HĐQT, BKS	2% lợi nhuận sau thuế

Điều 5. Nhất trí thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn một (01) trong ba (03) đơn vị kiểm toán phù hợp trong danh sách các công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 của công ty như sau:

- Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán AASCs
Địa chỉ: Số 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
Địa chỉ: Lầu 28 tòa nhà Bitexco, số 2 Hải Triều, P. Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điều 6. Nhất trí thông qua các giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, chi tiết như sau:

- Bên bán: Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (GELEX);
- Mặt hàng: Đồng Cathode, đồng Rod Ø 8mm;
- Số lượng: không quá 10.000 tấn (mười ngàn tấn)
- Giá mua: [giá LME theo thị trường Luân Đôn + Phí gia công (Premium)] x 1.01;
Trong đó:
 - o Giá LME theo thị trường Luân Đôn có 2 loại giá: giá chốt giá theo thời điểm khi có nhu cầu (Spot) và giá bình quân của tháng trước – liền kề tháng giao hàng (M-1)
 - o Số lượng cho loại giá Spot: ≤ 6.400 tấn (sáu ngàn bốn trăm tấn)
 - o Số lượng cho loại giá M-1: ≤ 3.600 tấn (ba ngàn sáu trăm tấn)
 - o Phí gia công (Premium): là 65 USD/tấn (sáu mươi lăm đô-la cho một tấn) cho đồng tấm (Cathode) và 270 USD/tấn (hai trăm bảy mươi đô-la cho một tấn) cho đồng dây (Rod) Ø 8mm
 - o GELEX sẽ chịu chi phí vận chuyển đến kho của CADIVI
 - o CADIVI sẽ thanh toán cho GELEX trong vòng 30 ngày.
- Thời gian ký kết và thực hiện các hợp đồng/giao dịch vật tư: năm 2017.

Điều 7. Nhất trí thông qua kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát NK 2017-2022:

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị NK 2017-2022

STT	HỌ VÀ TÊN
1	
2	
3	
4	
5	
6	
7	

Danh sách thành viên Ban kiểm soát NK 2017-2022

STT	HỌ VÀ TÊN
1	
2	
3	

Điều 8. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam có trách nhiệm tổ chức, thực hiện Nghị quyết này.

**TM CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH**